TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HSST
Ngày: 20/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG, TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Bà: Bríu Mỹ - Cán bộ hưu trí.
2. Ông: Cơ Lâu Pia - Chủ tịch Hội cựu Thanh niên xung phong huyện Tây Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông CLâu Thìn, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông ATing Vót, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. ALăng B - Sinh ngày 14 tháng 11 năm 2000, tại Quảng Nam; trú tại: thôn B, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Lăng K, sinh năm 1974 và bà A Ting Thị H, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con, tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/12/2016 bị Công an huyện Tây Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* bằng hình thức phạt tiền; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. ALăng T - Sinh ngày 11 tháng 11 năm 2000, tại Quảng Nam; trú tại: thôn B, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Lăng M (Chết) và bà A Lăng Thị X, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con, tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. ALăng K - Sinh ngày 12 tháng 02 năm 2001, tại Quảng Nam; trú tại: thôn G, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Lăng C, sinh năm 1968 và bà A Lăng Thị D, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ con, tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. ALăng H - Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2002, tại Quảng Nam; trú tại: thôn G, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Lăng L,

sinh năm 1977 và bà A Lăng Thị H, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ con, tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Bhling Đ - Sinh ngày 07 tháng 11 năm 2002, tại Quảng Nam; trú tại: thôn G, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bhing Đ, sinh năm 1979 và bà A Lăng Thị B, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ con, tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại:

1. Anh **Nguyễn Văn L** - Sinh ngày 02/6/1991.

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Chị **Pơ Loong Thị M** - Sinh ngày 12/3/2003.

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Chị **Hối Thị N** - Sinh ngày 04/9/2003.

Người đại diện hợp pháp ông Hối C; là cha ruột.

Cả hai cùng trú tại: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam; cả hai cùng vắng mặt.

4. Anh **A Lăng Y** - Sinh ngày 15/8/2005.

Người đại diện hợp pháp ông A Lăng N; là cha ruột.

Cả hai cùng trú tại: thôn Gl, xã G, huyện T, tỉnh Quảng Nam; cả hai cùng vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1. Anh Nguyễn Văn P - Sinh ngày 01/10/1992.

Trú tại: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Anh Bhing Đ - Sinh năm 1979.

Trú tại: thôn G, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Chị A Lăng Thị D - Sinh năm 1996.

Trú tại: thôn G, xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người bào chữa: Ông Zơ Râm N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam bào chữa cho bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ; có mặt.

Người phiên dịch: ông Pơ Loong Nh - Cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Giang là người phiên dịch tiếng Cơ tu cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị hại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ cùng quê xã Av, huyện T nên có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 05/11/2020 cả năm người đang chơi ở thị trấn P, huyện Đ thì ALăng B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại khu nội trú trường THPT Võ Chí Công thuộc thôn A, xã At, huyện T nên B đã rủ T,

Đ, H, K cùng đi thì tất cả đều đồng ý. Bhling Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92U1 - 030.41 chở ALăng B, còn ALăng K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92U1 - 033.09 chở ALăng T, ALăng H. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/11/2020 thì đến cổng trường THPT Võ Chí Công, ALăng H đứng ở ngoài đường còn B, T, Đ, K trèo qua tường rào vào bên trong. Sau đó, B đi vào tiền sảnh, còn T, Đ, K đi về phía bên trái khu nội trú. Khi đến tiền sảnh B thấy có 02 điện thoại di động đang sạc pin nên B lấy 02 điện thoại bỏ vào túi quần, cùng lúc này T cũng phát hiện ở sảnh phía sau khu nội trú có 01 điện thoại đang sạc pin nên T lấy điện thoại và ra chỗ K, Đ đang đứng đợi. Tại đây B nói "Ta lấy được 02 cái điện thoại di động", T nói "Ta lấy được 01 cái điện thoại di động". B nói "Còn một cái loa thùng ở tiền sảnh nữa, ta đi vào lấy luôn" thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, B vào trong vác cái loa thùng rồi tất cả cùng đi ra đường và gặp H đứng ở ngoài thì B nói cho H biết về số tài sản đã lấy trộm được và tất cả đi về nhà Bhling Đ tại thôn G, xã Av để ngủ.

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 06/11/2020 tất cả cùng mang một chiếc loa thùng và 03 cái điện thoại xuống thị trấn P, huyện Đ để bán nhưng do chưa mở khóa điện thoại được nên tất cả cùng về lại xã Av, huyện T. Đến khoảng 09 giờ ngày 07/11/2020, K, Đ, B, T cùng đi xuống thị trấn P, huyện Đ lấy điện thoại đã mở được khóa đem đến cửa hàng điện thoại di động Phúc ở thị trấn P, huyện Đ bán 02 cái điện thoại được 1.700.000 đồng. Sau khi bán điện thoại xong thì Đ gọi điện cho H lên để tất cả đi ăn nhậu và hát karaoke, đổ xăng hết số tiền trên, còn chiếc điện thoại OPPO cho A Lăng T sử dụng, loa thùng để lại hát karaoke, nghe nhạc và sử dụng chung.

Sau khi phát hiện hành vi trộm cắp thì ALăng T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại OPPO và cái loa thùng MALATA. Anh Nguyễn Văn P giao nộp 01 chiếc điện thoại Sam Sung A10S và 01chiếc điện thoại MEIZU cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tây Giang.

Theo Bản kết luận của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tây Giang định giá 01 cái loa thùng MALATA là 1.700.000 đồng, chiếc điện thoại Samsung A10S 1.800.000 đồng; chiếc điện thoại OPPO màu đen 600.000 đồng, chiếc điện thoại MEIZU 400.000 đồng. Tổng giá trị là 4.500.000 (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).*

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSTG ngày 18/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điều 38; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1, Điều 52; Bộ luật Hình sự 2015; (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

A Lăng B: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt các bị cáo:

A Lăng T, A Lăng K, A Lăng H: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bhling Đ: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng Cơ quan Công an huyện Tây Giang đã tạm giữ 01 xe mô tô Biển kiểm soát 92 U1 - 033.09; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 92 U1 - 030.41 và thu hồi 01 cái loa thùng và 03 chiếc điện thoại trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Người bào chữa ông Zơ Râm N bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, thiệt hại gây ra không lớn, tài sản thu hồi trả lại cho bị hại, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A Lăng B hình phạt tù cho hưởng án treo. Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo A Lăng T, ALăng H, ALăng K hình phạt cải tạo không giam giữ, đối với bị cáo Bhling Đ phạm tội khi đang là người dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, Điều 101 xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, hộ nghèo nên đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố

tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào Bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04/KL-HĐĐG ngày 30/11/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tây Giang, có đủ cơ sở Kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/11/2020, tại khu nội trú trường THPT Võ Chí Công, địa chỉ: thôn A, xã At, huyện T, ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ đã lén lút trộm cắp tài sản gồm 01 loa thùng của thầy Nguyễn Văn L, 01 điện thoại OPPO của A Lăng Y, 01 điện thoại MEIZU của Pơ Loong Thị M và 01 điện thoại Sam Sung A10S của Hồih Thị N, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

Các bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Đây vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo; tuy nhiên, ALăng B là người rủ rê, khởi xướng và cùng với ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ thực hành tội phạm. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ đồng phạm về tội *"Trộm cắp tài sản"* tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt. Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo ALăng B về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu ngày 10/12/2016 bị Công an huyện Tây Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" bị cáo là người rủ rê và xúi giục Bhling Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản thu hồi trả lại cho bị hại, thiệt hại gây ra không lớn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh gia đình khó khăn; nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm

hành chính năm 2012. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, như đề nghị của người bào chữa là thỏa đáng. Nên không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo giao về chính quyền địa phương giáo dục cũng đảm bảo bị cáo trở thành công dân tốt. Nhưng mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là người đồng bào dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tài sản thu hồi trả lại cho bị hại, thiệt hại gây ra không lớn. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bộc phát thiếu sự am hiểu pháp luật, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên bị cáo T, K, H, Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nên không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo giao về chính quyền địa phương giáo dục cũng đảm bảo các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Bhling Đ khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần nên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng" nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, là người đồng bào dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Văn P là người mua điện thoại do các bị cáo B, T, K, H và Đ bán nhưng khi mua tài sản anh P không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự là thoả đáng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92U1 - 033.09 và xe mô tô biển kiểm soát 92U1 - 030.41 là phương tiện Bhling Đ và ALăng K sử dụng để đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định chiếc xe biển kiểm soát 92U1 - 033.09 là tài sản của ông Bhling Đ là cha của bị cáo Đ và xe mô tô biển kiểm soát 92U1 - 030.41 là của

ALăng Thị D là chị ruột của bị cáo K; việc Đ và K sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông Đ và chị D không biết; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp, ông Đ chị D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51, Điểm o, Khoản 1, Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

A Lăng B 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2021.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo:

A Lăng T 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(Mười tám)* tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2021.

A Lăng K 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(Mười tám)* tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2021.

A Lăng H 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(Mười tám)* tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2021.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bhling Đ 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 *(Mười hai)* tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2021.

Giao bị cáo ALăng B; ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ về Ủy ban nhân dân xã Av, huyện T, tỉnh Quảng Nam để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo ALăng B, ALăng T, ALăng K, ALăng H và Bhling Đ.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Các bị hại, người đại diện hợp pháp cho các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Hân